

## CHUYÊN MỤC

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

## TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI: XU HƯỚNG TIẾP CẬN HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ QUAN NIỆM VỀ HƯ CẤU NGHỆ THUẬT

ĐOÀN THỊ HUỆ

*Kể từ sau 1975, đặc biệt từ những năm 1990, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng sáng tác. Bài viết tìm hiểu xu hướng tiếp cận hiện thực lịch sử và quan niệm về hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử của tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại, qua đó giúp người đọc có cái nhìn đầy đặn hơn về sự vận động và xu hướng phát triển của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam trong thời kỳ sau đổi mới. Đó là xu hướng tiếp cận hiện thực lịch sử trên tinh thần chung của lý thuyết hậu hiện đại, tiền đề cho sự hình thành một quan niệm của nhà văn về vấn đề hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại.*

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trải qua chặng đường dài phát triển, đặc biệt từ những năm 1990, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đã có nhiều thay đổi về số lượng lẫn chất lượng sáng tác. Xuất phát từ nhu cầu nhận thức lại một số giá trị, biện giải lớp ý nghĩa có tính mở của các sự kiện, nhân vật lịch sử - văn hóa, không ít nhà văn đã nỗ lực khai thác các nguồn sử liệu, thể hiện những suy

nghiệm, cảm nhận và phán đoán của bản thân về đời sống hiện tại. Sự xuất hiện của một loạt tác phẩm có tiếng vang như *Bão táp triều Trần* và *Tám triều vua Lý* (Hoàng Quốc Hải), *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác), *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh), *Hội thể* (Nguyễn Quang Thân), *Giàn thiệu* (Võ Thị Hảo)... thêm một lần nữa chứng minh cho sự trở lại của một tiềm năng từng bị bỏ quên, nhanh chóng đưa những sáng tác văn học thuộc thể loại tiểu thuyết lịch sử lên vị trí quan trọng trên văn đàn Việt Nam đương đại.

Đoàn Thị Huệ. Thạc sĩ. Trường Đại học Đồng Nai.

Điều này góp phần khẳng định dòng mạch lịch sử vẫn không ngừng luân chảy trong đời sống văn học Việt Nam. Mỗi nhà văn với tôn chỉ và quan niệm sáng tác riêng đã có những cách thức khác nhau trong việc tiếp cận hiện thực lịch sử, thể hiện quan niệm về hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử đương đại.

## 2. XU HƯỚNG TIẾP CẬN HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ QUAN NIỆM VỀ HƯ CẤU NGHỆ THUẬT TRONG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

### 2.1. Xu hướng tiếp cận hiện thực lịch sử trên tinh thần lý thuyết hậu hiện đại

Các tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đa phần có xu hướng tiếp cận hiện thực lịch sử trên tinh thần lý thuyết hậu hiện đại, xem lịch sử là một quá trình chưa hoàn tất và đang được cấu tạo lại bởi sự xuất hiện của các tiểu tự sự. Tại đây, lịch sử được hình dung như những mảnh vỡ, những khúc đoạn chưa hoàn thành.

Vào năm 1934, trong lĩnh vực hội họa, Federico De Onis là người đầu tiên đưa ra thuật ngữ “chủ nghĩa hậu hiện đại”. Riêng trong lĩnh vực văn học, đến nay chưa có tài liệu xác định rõ tên tác giả và tác phẩm mở đầu cho trào lưu hậu hiện đại. Tuy nhiên có một điểm thống nhất là các nhà lý luận hậu hiện đại đều cho rằng văn chương hư cấu hậu hiện đại là sự tiếp nối của văn chương hiện đại ở tầm cao. Hậu hiện đại là “sau” và “siêu”, là cơn kịch phát của hiện đại. Từ những năm 1960 trở đi, văn học thực hiện

bước quá độ từ chủ nghĩa hiện đại sang chủ nghĩa hậu hiện đại. Càng dần về sau, chủ nghĩa hậu hiện đại độc chiếm hẳn văn đàn. Dù chủ nghĩa hậu hiện đại chỉ là một dạng thái phát triển của chủ nghĩa hiện đại và có mối liên hệ mật thiết với chủ nghĩa hiện đại, nhưng xét đến cùng nó được bắt nguồn từ một cơ sở xã hội và ý thức khác, hàm chứa một quan niệm khác về cuộc sống và con người với những đặc trưng thi pháp riêng. Trong chừng mực nhất định, lý luận văn học hậu hiện đại đã ảnh hưởng đến cách tiếp cận hiện thực lịch sử của các tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại. Hiện thực lịch sử bao gồm những gì làm nên không khí lịch sử, nhân vật và sự kiện lịch sử. Đề cập đến hiện thực trong tiểu thuyết lịch sử, nhiều ý kiến cho rằng nhà văn phải phản ánh đúng hiện thực lịch sử, phải tôn trọng sự thật lịch sử. Nhưng như thế nào mới được gọi là sự thật lịch sử? Sự thật lịch sử trước hết cần được hiểu là sự thật, là cái có thật trong thực tế, đặt trong sự đối lập với cái giả tạo. Sự thật lịch sử là một yếu tố thuộc về đối tượng nghiên cứu của nhà sử học. Đối với nhà văn lẫn nhà sử học, khái niệm sự thật lịch sử chỉ có thể được hiểu như một khái niệm ẩn dụ. Nó vĩnh viễn thuộc về quá khứ. Nhà văn và cả nhà sử học đều không trực tiếp tiếp xúc với nó. Cái thường được xem là sự thật, được mọi người tiếp xúc và thể hiện trên trang viết chỉ là một cái gì đó gần giống như sự thật, đã được khúc xạ qua lăng kính chủ quan, qua các lời đồn đoán và sự ghi chép của

một cá nhân hay một tập thể tác giả nào đó.

Bởi “tri thức của lịch sử hoàn toàn dựa trên trực giác mỹ học chủ quan” (Hà Văn Tấn, 1990, tr 39) nên khái niệm lịch sử phù hợp với khái niệm chung về nghệ thuật. Tiếp cận hiện thực lịch sử từ góc nhìn này, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại không ngại bộc lộ sự “hoài nghi các đại tự sự”. Với họ, cái được gọi là lịch sử, được biểu đạt trên văn bản, sách sử, tài liệu ghi chép của sử quan thời xưa xét đến cùng cũng là một loại diễn ngôn. Cái được gọi là sự thật lịch sử có trong chính sử thật ra là kết quả của một cách ghi, một lối tu từ, được nhìn từ một phía của bản thân người viết là các sử quan. Đó không phải là bản thân lịch sử khách quan với toàn bộ giá trị thực và hoàn chỉnh. Việc đi tìm sự thật lịch sử là việc của nhiều người, trong đó có nhà văn và nhà sử học.

Mang tâm thế “hoài nghi các đại tự sự”, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại chủ động và tự tin thâm nhập vào lịch sử, diễn giải, bình luận về phần “sự thật” lịch sử được thể hiện trong chính sử và cả phần sự thật lịch sử có được từ sự suy luận, phán đoán của nhà văn. Từ sự thật lịch sử nhất định (được thể hiện qua các sự kiện, nhân vật lịch sử, phong tục, tập quán, đồ dùng, đồ trang sức, bài hát, trò chơi... được lưu giữ, miêu tả hoặc kể lại một cách cụ thể, chi tiết trong các tài liệu thuộc sử và phi sử), qua tác phẩm của mình, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã làm sống lại lịch sử (chứ không phải

hoàn nguyên lịch sử), sáng tạo nên một hình thức diễn ngôn có chức năng đối thoại, phản biện lại lịch sử. Cuối cùng, họ tìm ra những khả năng bị đánh mất, những góc khuất số phận và khát vọng của con người, mở ra nhiều góc nhìn mới, phân xét và định luận mới về cái được gọi là sự thật lịch sử đã từng hằng tồn trong quá khứ.

Nói như thế không có nghĩa là với góc nhìn “hoài nghi các đại tự sự”, các tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại sẽ mang vào tác phẩm tất cả hơi hướng của sự hoài nghi về những gì đã làm nên dấu son trong lịch sử dân tộc, trong sự nghiệp oanh liệt, vẻ vang của các bậc anh hùng, danh nhân văn hóa, các nhân vật lỗi lạc của dân tộc/cộng đồng. Về cơ bản, sự hoài nghi ở đây chủ yếu tập trung vào cái được gọi là *sự thật lịch sử* đã được đóng khung trong mười trang chính sử dưới hình thức một diễn ngôn đầy thiên kiến của một cá nhân hay tập thể nào đó. Khác với nhóm tác giả tiểu thuyết lịch sử trước đây thường tiếp cận hiện thực lịch sử từ góc nhìn truyền thống, có khuynh hướng tôn vinh lịch sử theo tâm thức chung của cộng đồng, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại tiếp cận hiện thực lịch sử theo góc nhìn hậu hiện đại thường có xu hướng quan tâm đến những thời kỳ lịch sử phức tạp, kiến giải lịch sử từ một góc nhìn riêng, đồng thời gợi mở nhiều góc nhìn khác để người đọc cùng suy ngẫm. Bối cảnh câu chuyện *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh, 2010) trùng khớp với

giai đoạn lịch sử phức tạp của dân tộc Việt: cuối Trần đầu Hồ. Sử gia Đại Việt từng xem Hồ Quý Ly là loạn thần tặc tử bởi ông đã thoán đoạt ngôi vị nhà Trần và thất bại trong cuộc kháng chiến chống Minh. Nhưng với Nguyễn Xuân Khánh, Hồ Quý Ly là một yếu nhân lịch sử. Ở thời điểm mang tính bước ngoặt, ông đã đi trước thời đại, vượt lên tư tưởng trung quân cứng nhắc, nắm lấy trọng trách chèo lái con thuyền dân tộc. Về sau, ông thất bại vì không được lòng dân. Tác phẩm gợi mở một cách nhìn linh hoạt hơn về công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly, về sự thành bại của các yếu nhân trong những thời khắc lịch sử quan trọng. Với Nguyễn Quang Thân, nhà văn đã chọn thời hậu Lê, một thời kỳ lịch sử đau thương của dân tộc gắn liền với sự xuất hiện các nhân vật lỗi lạc, xuất chúng như Lê Lợi, Nguyễn Trãi... làm bối cảnh chính cho câu chuyện lịch sử *Hội thề*. Nguyễn Mộng Giác, Nam Dao, Lê Đình Danh hướng sự quan tâm vào thời kỳ lịch sử đầy bão táp của Đại Việt thế kỷ XVIII gắn liền với phong trào Tây Sơn và người anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ, để viết nên *Sông Côn mùa lũ*, *Đất trời*, *Tây Sơn bi hùng truyện*... Dưới ánh sáng của văn chương, nhiều tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã đi sâu soi tỏ các mặt khuất lấp của lịch sử, gợi ý cho người đọc một cách nhìn đa diện, đa chiều hơn về quá khứ. Trong tâm thức chung của cộng đồng, Quang Trung - Nguyễn Huệ được biết đến như một vị anh hùng dân tộc vĩ đại, người có

công thống nhất đất nước, đánh đuổi quân xâm lược Mãn Thanh ra khỏi bờ cõi. Với *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác, 2003), người đọc có dịp hình dung một Quang Trung - Nguyễn Huệ oai phong lẫm liệt trên lưng ngựa, thận trọng quyết đoán trước mỗi quân cờ làm nên thế trận non sông, đồng thời cũng là một người bình dị giữa cuộc sống đời thường nhiều phồn tạp. Như bao người bình thường khác, ông cũng buồn giận, cô đơn, dí dỏm, hài hước và hồn nhiên. Lấy công chúa Ngọc Hân là lấy được cái danh chính ngôn thuận trong mắt sĩ phu Bắc Hà nhưng Nguyễn Huệ vẫn dí dỏm đùa rằng: “Vi dẹp loạn mà ra, để rồi lấy vợ mà về, bọn trẻ nó cười cho thì sao? Tuy nhiên ta mới chỉ quen gái Nam Hà, chưa biết gái Bắc Hà, nay cũng nên thử một chuyến xem có tốt không?” (Nguyễn Mộng Giác, 2003, tr. 993). Ở *Giàn thiêu*, từ những cứ liệu lịch sử được lưu lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Thiên uyển tập anh*, Võ Thị Hào đã thiết kế lại quá khứ, đưa ra một cách nghĩ mới về nhân vật lịch sử đồng thời cũng là nhân vật truyền thuyết Từ Lộ - Từ Đạo Hạnh - Lý Thần Tông, từ đó trao gửi đến người đọc nhiều băn khoăn, trăn trở của bà về vấn đề số kiếp/thân phận của con người giữa dòng đời cuộn chảy. Điều này ít nhiều phù hợp với bối cảnh hậu hiện đại gắn liền với cảm hứng hoài nghi “đại tự sự” và giải thiêng các huyền thoại.

Cả lịch sử và tiểu thuyết lịch sử tuy khác nhau về mục đích viết nhưng thực chất đều là diễn ngôn. Diễn ngôn

là những quy tắc phát ngôn thường ẩn chìm trong vô thức của cộng đồng, quy định cách nói, quy định cái gì được nói và không được nói của mỗi thời đại. Tính hiện đại của diễn ngôn là điều bắt buộc. Cái mới của diễn ngôn là vượt qua diễn ngôn cũ để tạo ra các diễn ngôn mới. Các tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam tạo nên sức hấp dẫn trên từng trang viết bằng cách đưa ra diễn giải mới đối với lịch sử. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế vận động chung của tiểu thuyết lịch sử Việt Nam trong bối cảnh hội nhập với tiểu thuyết lịch sử thế giới. Đó là sự vận động thể hiện quá trình chuyển biến về mặt nhận thức của nhân loại: đi từ chủ nghĩa cấu trúc đến hậu cấu trúc, từ hậu cấu trúc đến chủ nghĩa tân duy sử, từ việc xem lịch sử như một cái gì đã hoàn tất xong xuôi đến việc nhận thức rằng lịch sử cũng là sự trần thuật về lịch sử, mà đã là trần thuật thì khó tránh khỏi sự chủ quan trong chọn lựa, phán đoán để từ đó nhìn lại các văn bản/diễn ngôn lịch sử.

Khi tiếp cận hiện thực lịch sử từ góc nhìn của con người hiện đại và hậu hiện đại, tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã có nhiều cơ hội để sáng tác nên những tác phẩm văn học như là sự phản kháng lại nhận thức lịch sử trong quá khứ, vốn bị đóng khuôn trong thiên kiến chung của cộng đồng. Về cơ bản, viết tiểu thuyết lịch sử đương đại, nhà văn phải sử dụng được cái khung lịch sử như một phương tiện quan trọng để cấu tạo tiểu thuyết và sử dụng nghệ thuật viết

tiểu thuyết như là phương tiện chủ yếu để thể hiện tư duy, biện minh và nêu cả những dự phóng của mình về lịch sử. Trong trường hợp cần thiết, tác giả tiểu thuyết lịch sử đương đại phải thông qua cả lý luận và thực tiễn sáng tác, cả các yếu tố từ cảm xúc đến trực giác, yếu tố siêu linh, thần bí thuộc về tâm thức, tiềm thức và ảo giác của con người... để sáng tạo nên các câu chuyện lịch sử hấp dẫn và giàu tính thuyết phục. Trong tâm thức dân tộc, Nguyễn Huệ là một “vĩ nhân” bất khả chiến bại. Với *Phẩm tiết* (Nguyễn Huy Thiệp, 2005), Nguyễn Huệ là một “thường nhân” bởi sự nóng nảy, háo sắc, nhục mạ quần thần. Với *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác, 2003), Nguyễn Huệ là một “yếu nhân” của lịch sử. Ông anh hùng đến mức xuất sắc nhưng vẫn đậm tố chất đời thường, “một con người bình thường mà vĩ đại” (Phan Cự Đệ, 2005, tr. 194). Trong chính sử, Nguyễn Phi Yến Lan là một thực nữ tài năng, từng thay vua điều hành việc nước. Trong dân gian, bà gắn liền với nhiều huyền tích, được xem là gương mặt sáng đẹp của vùng đất Kinh Bắc. Với *Giàn thiếu*, Võ Thị Hào đã có cách tiếp cận Nguyễn Phi Yến Lan ở một phương diện khác khi mạnh dạn đi sâu vào sự thật: Yến Lan độc ác bức hại Thượng Dương hoàng hậu và 76 cung nữ. Từ một chi tiết lịch sử được lưu lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư*: “Linh Nhân có tính hay ghen, cho mình là mẹ đẻ mà không được dự chính sự, mới kêu với vua rằng: Mẹ già khó nhọc mới có ngày nay mà bây giờ phú quý người khác

hường thế thì sẽ để mẹ già vào đâu? Vua bèn sai đem giam Dương thái hậu và 76 người thị nữ vào cung Thượng Dương rồi bức phải chết chôn theo lăng Thánh Tông” (Ngô Sĩ Liên, 2004, tr. 326), Võ Thị Hào đã hư cấu tưởng tượng nên cảnh ma quái, rùng rợn về cái chết của những thị nữ xấu số: “Những bóng đàn bà nhẩy dựng lên trên những phiến gỗ thông ngùn ngụt cháy, chới với hai cánh tay lên trời rồi lảo đảo gục xuống, bùng lên như những bó đuốc. Mùi tanh lợm của thịt người, của lông chim cháy cuộn cuộn bốc lên phủ khắp vùng.” (Võ Thị Hào, 2003, tr. 25), “Rồi nền nhà bỗng há hoác ra thành miệng một hàm mộ. (...). Những con chuột giờ đây đang nằm ngủ thiu thiu cạnh những bộ xương vừa bị gặm hết thịt da. Khi những tiếng thì thào vừa dứt, những bộ xương cẳng tay, cẳng chân, đầu lâu từ từ dựng dậy, nối nhau chuyển động xếp lại theo trật tự rậm rạp thành hình người. Từ miệng những con chuột đang ngủ, một dòng da thịt chảy ra, đắp vào những bộ xương đó. Có bảy mươi bảy bộ xương...” (Võ Thị Hào, 2003, tr. 216). Qua đó, tác giả đặt lại vấn đề về tội ác của Nguyên Phi Ỡ Lan, nêu lên thông điệp về sự trường tồn bất tử của sự thật lương tri trước bạo lực và cường quyền.

2.2. Hư cấu là thủ pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng linh hoạt trong tác phẩm

Xuất phát từ cách tiếp cận hiện thực lịch sử khác nhau, các tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại có

những quan niệm khác nhau về hư cấu nghệ thuật trong sáng tác. Các quan niệm này có thể được thể hiện trực tiếp qua phát ngôn của nhà văn, nhà nghiên cứu trong các cuộc hội thảo, các buổi phỏng vấn có đối tượng nghiên cứu là tiểu thuyết lịch sử hoặc cũng có thể được thể hiện gián tiếp qua hoạt động sáng tác của nhà văn. Nhìn chung, các tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đều thống nhất nhau ở chỗ xem hư cấu là thủ pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng linh hoạt nhằm mục đích kiến tạo lại trong tiểu thuyết lịch sử một hiện thực lịch sử tựa như lịch sử và vượt lên trên lịch sử.

Hiện thực tựa như lịch sử được nhà văn tạo nên trên cơ sở tôn trọng ở một mức độ nhất định đối với các sử liệu. Đó là những nét khái quát cơ bản về đặc trưng, bản chất của nhân vật và sự kiện lịch sử đã được số đông mọi người thừa nhận. Tuy nhiên, người viết tiểu thuyết lịch sử không đơn giản chỉ là người miêu tả lịch sử, đưa người đọc đến với cách lý giải lịch sử hoàn toàn trùng khớp với chính sử. Tiếp cận với những gì đã thuộc về quá khứ và lấy đó làm chất liệu cho các sáng tác của mình, tác giả tiểu thuyết lịch sử đích thực phải là người biết đặt câu hỏi phản biện lại lịch sử, tạo nên một hiện thực vượt lên trên lịch sử khi đặt nó trong mối quan hệ từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Hồ Quý Ly (Nguyễn Xuân Khánh) không chỉ là câu chuyện về đất nước Đại Việt những năm cuối Trần đầu Hồ với những thành công và

thất bại trong cuộc biến pháp của Hồ Quý Ly, mà còn là một gợi ý của nhà văn về vấn đề trọng dụng hiền tài, giải quyết mối quan hệ giữa “bảo thủ” và “cải cách”, cách thức thực hiện cuộc cải cách trong thời điểm hiện tại. Hiện thực trong *Giàn thiêu* (Võ Thị Hảo) không đơn giản là hiện thực về cuộc sống nhân dân dưới hai triều đại Lý Nhân Tông và Lý Thần Tông, hay bản thành tích công đức của các vĩ nhân, mà hơn hết đó còn là sự chiêm nghiệm về cuộc sống nhân sinh: con người ta sinh ra vốn để yêu thương nhưng tai biến có thể khiến người ta chỉ sống trong thù hận; người mãi đắm mình trong bể đục sân si thì cũng chỉ là một nhân dạng méo mó không dễ chữa lành; khát vọng kéo dài cuộc sống nhân sinh là điều dễ hiểu nhưng tham vọng quá đáng sẽ bị trừng phạt... Võ Thị Hảo đã khá thành công khi đưa ra một kiến giải mới mẻ và khả chấp về nhân vật lịch sử đồng thời là nhân vật truyền thuyết Từ Đạo Hạnh, tạo nên sự liên hệ thật gần gũi giữa vấn đề quá khứ với đời sống hôm nay. Đề xướng và cổ súy cho sự hình thành và phát triển quan niệm nghệ thuật trên, các nhà nghiên cứu phê bình văn học, đặc biệt là các tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại cho rằng: đối với dạng tiểu thuyết lịch sử noi theo lịch sử mà diễn nghĩa ra thành tiểu thuyết thì tác giả phải đảm bảo được sự tương thích nhất định giữa độ giàu có về mặt lịch sử với sự đậm đà, phong phú về phong vị của tiểu thuyết. Như thế cũng có nghĩa là, tiểu thuyết lịch sử không chỉ quan tâm

đến phương diện đề tài lịch sử mà còn phải quan tâm đến mặt hình thức lẫn ý nghĩa của tiểu thuyết, sao cho ở mỗi tác phẩm, sự hư cấu nghệ thuật phải được sử dụng nhằm đẩy mạnh tính lịch sử, gia tăng chất xúc tác làm thăng hoa những mỹ cảm nghệ thuật của tiểu thuyết. Sự thật thì, sử liệu và truyền thuyết xưa đã được các nhà văn khai thác theo đúng cung cách của tiểu thuyết chứ không lạc hướng sang kiểu truyện có phong vị sử thi. Như trong *Giàn thiêu*, ngay cách lựa chọn nhân vật lịch sử Lý Thần Tông – vị vua có vai trò rất mờ nhạt trong chính sử - cũng đã thể hiện rõ cái nhìn tiểu thuyết của Võ Thị Hảo. Khép lại *Giàn thiêu*, ấn tượng đọng lại trong lòng người đọc không phải là những đóng góp thực tế của vua Lý Thần Tông và Nguyên phi Ý Lan đối với dân tộc Việt mà chính là từ những chi tiết – sản phẩm của hư cấu, người đọc buộc phải suy tư rất nhiều về niềm tin tôn giáo, sự giải thoát, tham vọng quyền lực và hạnh phúc cá nhân. Không riêng Võ Thị Hảo, nhiều tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại cũng có cùng phương hướng làm việc như thế. Phản chiếu lịch sử từ tấm gương của ý thức cá nhân, tập thể, các tác giả của *Bão táp triều Trần*, *Sông Côn mùa lũ*, *Hồ Quý Ly*, *Hội thề*... đã tạo nên một chuyển động bên trong dòng sáng tác về đề tài lịch sử hiện nay. Nó cho thấy, đích cuối cùng của tiểu thuyết lịch sử hôm nay không đóng khuôn trong những sự kiện đã thuộc về quá khứ mà đã gắn kết với đời sống hiện tại. Ngược lại,

muốn nói về những vấn nạn hiện tại, tác giả tiểu thuyết lịch sử tìm chất liệu từ trong quá khứ lịch sử. Rõ ràng vấn nạn đó gắn liền với vận mệnh của dân tộc nhưng cũng không tách rời câu chuyện số phận của mỗi cá nhân trước những biến chuyển của lịch sử. Ở những trường hợp như thế, tư liệu lịch sử đã hóa thành chi tiết tiểu thuyết, lịch sử đã được tiểu thuyết hóa, in đậm dấu ấn sáng tạo của cá nhân nhà văn.

Có thể thấy về bản chất, tiểu thuyết lịch sử là những tác phẩm văn học hướng về đề tài lịch sử. Tác giả tiểu thuyết lịch sử phải không ngừng tái tạo, thông qua việc làm phong phú thêm cảm giác thẩm mỹ và ý tưởng lịch sử, làm nảy nở và phát triển tinh thần lịch sử. Nếu chúng ta đồng thuận với quan điểm cho rằng văn học cần đảm bảo được tính chân thật trong phản ánh thì sẽ dễ dàng chấp thuận quan niệm cho rằng sự phản ánh của tiểu thuyết lịch sử phải vừa tựa như lịch sử, vừa vượt lên trên lịch sử. Nghĩa là nhà văn phải có khả năng sáng tác tiểu thuyết lịch sử theo thủ pháp nghệ thuật của tiểu thuyết hiện đại và hậu hiện đại, đoạn tuyệt hẳn với tôn chỉ diễn nghĩa của tiểu thuyết lịch sử cổ/trung đại, để tác phẩm vừa tương đối có tính lịch sử, vừa khiến độc giả cảm nhận được tinh thần, tư cách, phẩm chất của nhân vật lịch sử, lĩnh hội hiệu quả của tư tưởng lịch sử hoặc nhận ra được mắt bão của lịch sử... Làm được như vậy, họ sẽ tạo nên những tác phẩm có giá trị. Từ những tác phẩm đã đoạt giải và đang

làm nên hiện tượng văn học trong thời gian gần đây, như các sáng tác của Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Xuân Khánh, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Quang Thân, Võ Thị Hảo... người đọc dễ nhận ra sự chuyển hướng văn hóa trong việc đọc, sáng tác, phê bình và nghiên cứu về tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại. Sự thay đổi đó không tách rời với sự thay đổi quan niệm về *hiện thực lịch sử* đang tồn tại khá phổ biến trong giới nghiên cứu và phê bình văn học hiện nay. Nó cũng đã tạo nên bước đệm vững chắc cho sự ra đời loại tiểu thuyết lịch sử mới của trường phái tân duy sử.

Về cơ bản, các nhà văn sáng tác theo trường phái tân duy sử đều chú ý đến việc mở rộng mô hình tiểu thuyết lịch sử bằng việc gia tăng các yếu tố hư cấu, tưởng tượng cũng như các yếu tố có liên quan đến văn hóa dân gian, vô thức, tiềm thức, kỳ ảo, huyền ảo với phương thức trần thuật mang nhiều điểm nhìn, với diễn ngôn trần thuật biến hóa, chuộng sự miêu tả các mảnh ghép tiểu tự sự gia tộc, cá nhân, đồng đại. *Hồ Quý Ly* (Nguyễn Xuân Khánh) được trần thuật từ nhiều điểm nhìn. Với quan niệm tiểu thuyết lịch sử trước hết phải là tiểu thuyết, Nguyễn Xuân Khánh đã thiết lập hai điểm nhìn: điểm nhìn người trần thuật khách quan và điểm nhìn nhân vật xưng “tôi”. Tác phẩm được cấu trúc gồm nhiều chương, mỗi chương thường là một câu chuyện của một người được trần thuật từ lăng kính chủ quan của một người với một tâm trạng cụ thể. Chương II là chuyện về Hồ Nguyên

Trừng, chương III là chuyện về Trần Nghệ Tông, chương V là chuyện về Trần Khát Chân, chương IX là chuyện về Hồ Quý Ly. Cách trần thuật đó giúp nhà văn có dịp đi sâu vào mô thức, tiềm thức cũng như miêu tả sinh động chiều sâu ẩn ức, những âm vang bí ẩn trong đời sống tâm linh của nhân vật, đưa người đọc đến với chuỗi cảm xúc chân thành của người trong cuộc. *Mẫu thượng ngàn* (Nguyễn Xuân Khánh, 2012) có sự giao thoa giữa tiểu thuyết lịch sử và tiểu thuyết văn hóa phong tục. Những trang viết đầy say mê của tác giả về lễ tục, văn hóa, nề nếp xưa trong *Mẫu thượng ngàn* thật sự làm người đọc thích thú. *Người đi vắng* (Nguyễn Bình Phương, 1999) thể hiện rõ sự pha trộn nhiều thể loại. Sự xuất hiện cùng lúc nhiều trang nhật ký, truyện kể, huyền thoại... khiến cho tác phẩm trở thành bản giao hưởng nhiều bè nhiều điệu. Sự kết dính của nhiều mảng kết cấu khác nhau, tính chất phân mảnh, phi cấu trúc, phi trung tâm cũng là một thủ pháp nghệ thuật được Nguyễn Bình Phương sử dụng nhằm phản ánh một hiện thực ngồn ngộn những hỗn tạp, đốn đau, khốc liệt của kiếp người. *Giàn thiêu* (Võ Thị Hảo) có sự đan xen đồng thời của các lớp không gian, thời gian khác nhau. Không gian của thiên truyện mở rộng từ nơi làng quê đến cung cấm, đến những con đường hành hương về phía tây và đến cả những giấc mơ không thực. Thời gian tác phẩm có sự đan xen phức tạp giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Với Võ Thị Hảo, việc đặt đối diện Lý

Thần Tông và Từ Lộ - Từ Đạo Hạnh, để người này là duyên nghiệp của người kia, liên tiếp để những ẩn ức và hồi ức của nhân vật đồng loạt hiện về đan xen lấp lánh giữa hiện tại, đã tạo nên cho *Giàn thiêu* kiểu thời gian huyền thoại kết hợp với hình thức không gian đa tầng, làm nổi bật màu sắc tượng trưng đậm nét về những ngã đường khác nhau trong cuộc sống, về những khả năng khác nhau để làm người. Điều này càng chứng tỏ tiểu thuyết lịch sử không chỉ là dòng sông của những câu chuyện kể mà còn là biển lớn của cuộc đời với những tâm lý, ước mơ, khát vọng đa dạng của nhân gian, là thế giới bao la của trí tưởng tượng và sự hư cấu nghệ thuật của nhà văn. Điều cần nhớ, hạt nhân của tiểu thuyết lịch sử là tính lịch sử, hạt nhân của tính lịch sử chính là tính chân thực lịch sử, tức là cảm giác về sự chân thực lịch sử mà người đọc có được sau khi tiếp nhận tác phẩm văn học thuộc thể loại tiểu thuyết lịch sử.

Yêu cầu về tính chân thực lịch sử cũng cần được hiểu một cách linh hoạt và mềm dẻo. Không hẳn hề tiểu thuyết lịch sử càng bám sát tư liệu lịch sử khách quan thì càng chân thực. Vì lịch sử trong tiểu thuyết lịch sử không phải là lịch sử được hoàn nguyên từ lịch sử khách quan mà là lịch sử được tạo ra từ bàn tay nghệ thuật của nhà văn. Nói khác, đó là lịch sử có khả năng mang lại cho người đọc cảm giác tưởng là thật nhưng thực chất chỉ là gần đúng như thật. Xét đến cùng, việc sáng tác tiểu thuyết lịch sử không

đồng nhất với việc vẽ truyền thần một bức tranh về nhân vật và sự kiện lịch sử. Đó là việc tổ chức lại các nhân vật và sự kiện lịch sử trong một tác phẩm văn học đã có rất nhiều tính hư cấu. Đó chính là tính chất “tựa như lịch sử” của tiểu thuyết lịch sử.

Hồ Thích - một học giả người Trung Quốc – đã nói về vấn đề hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết lịch sử đương đại như sau: “Tốt nhất là ở bên ngoài sự thật lịch sử, tạo thành một sự thật giống như là lịch sử nhưng lại không phải là lịch sử, kết quả của những gì tạo ra ngược lại cũng không được phản bội lại lịch sử” (Hồ Thích, 1985, tr. 519). Theo Hồ Thích, cái khó của việc sáng tạo tiểu thuyết lịch sử chính là nghệ thuật xử lý mối quan hệ giữa sự thật lịch sử và hư cấu nghệ thuật. Về cơ bản, tiểu thuyết lịch sử phải mô tả một cách chân thực các yếu tố thuộc về bộ dạng thực, đời sống thực của con người (như hành vi, lời nói, hoàn cảnh sống...), lấy đó làm cơ sở biểu hiện một cách nghệ thuật về tình cảm thẩm mỹ và tinh thần thời đại được nói đến trong tác phẩm. Để tạo tiền đề hư cấu nghệ thuật, tiểu thuyết lịch sử phải có nội dung và tinh thần cụ thể, chân thực giống như lịch sử. Không chỉ vậy, tác giả tiểu thuyết lịch sử phải tận dụng mọi ý tưởng miêu tả một hiện thực tựa như lịch sử, kiến tạo nên không gian nghệ thuật vượt thoát lên trên hiện thực lịch sử khách quan. Chỉ có như thế, lịch sử trong tiểu thuyết lịch sử mới có thể vừa giống lịch sử khách quan lại vừa vượt lên trên lịch sử và hiển lộ ra vô vàn

cảm xúc và cảm thức thẩm mỹ về tinh thần, hồn cốt của nhân vật, sự kiện lịch sử.

### 3. KẾT LUẬN

Nhìn chung, trong thời gian qua, các tác giả tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại đã có chung điểm đến ở mục đích sáng tác: cố gắng đạt đến sự chuẩn xác trong việc dùng hình thức tiểu thuyết hiện đại để biểu hiện lịch sử trên tinh thần nghệ thuật, tạo nên một địa hạt nghệ thuật thống nhất giữa cái tựa như lịch sử và cái vượt lên trên lịch sử của tiểu thuyết lịch sử. Tất nhiên sự vượt lên này là vượt lên về nhận thức và cảm xúc thẩm mỹ. Xét về bản chất, tiểu thuyết lịch sử không thể vượt quá điểm cực hạn của sự mô phỏng hiện thực tức là điểm cực hạn về tính tự nhiên và tính xã hội của nhân vật, sự kiện lịch sử đồng thời không được vượt quá đường viền của sự “tựa như lịch sử” tức là đường biên khái quát cơ bản về nhân vật và các sự kiện lịch sử đã được lưu giữ khá ổn định trong tâm thức cộng đồng. Vượt quá đường biên này, nhân vật và sự kiện lịch sử trong tiểu thuyết lịch sử sẽ không còn giống với nhân vật và sự kiện lịch sử khách quan, làm tổn hại đến yêu cầu về tính chân thực tựa như lịch sử, đẩy tác phẩm đến bờ vực của sự thất bại khi những gì nhà văn miêu tả trong tác phẩm của mình đã không còn là cái “tựa như”, “dường như” mà đã là “không như”, “ngược lại”, thậm chí là “hạ bệ” và “đánh đổ”, “giải thiêng” lịch sử truyền thống. Bởi khi thiếu đi sự chân thực của cái tựa như

lịch sử, quá lạm dụng hư cấu nghệ thuật, dẫn sâu vào sự nguy tạo một cách thô thiển thì tác giả tiểu thuyết lịch sử càng ít có cơ hội tạo nên các hình tượng nhân vật và sự kiện lịch sử vượt lên trên lịch sử khiến người đọc cảm thấy thích thú, say mê. □

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hà Văn Tấn. 1990. *Triết học lịch sử hiện đại*. Hà Nội: Nxb. Đại học Tổng hợp.
2. Hồ Thích. 1985. *Luận về tiểu thuyết đoản thiên*. Giang Tây: Nxb. Nhân dân (胡适: “论短篇小说”, 江西人民出版社, 1985 年版).
3. Ngô Sĩ Liên. 2004. *Đại Việt sử ký toàn thư* (tập 1). Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
4. Nguyễn Bình Phương. 1999. *Người đi vắng*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp.
5. Nguyễn Huy Thiệp. 2005. *Phẩm tiết*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
6. Nguyễn Mộng Giác. 2003. *Sông Côn mùa lũ*, (tập 2). Hà Nội: Nxb. Văn học, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.
7. Nguyễn Xuân Khánh. 2010. *Hồ Quý Ly*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
8. Nguyễn Xuân Khánh. 2012. *Mẫu thượng ngàn*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.
9. Phan Cự Đệ. 2005. *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
10. Võ Thị Hảo. 2003. *Giàn thiệu*. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.